TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08-4-2025
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu
Ông Đặng Văn Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 và thụ lý độc lập số 373A/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thu T, sinh năm 1983; địa chỉ: K11 H14/04 T, tổ 33 phường Hòa P, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng; có mặt.

Bị đơn: Ông Huỳnh Kim V, sinh năm 1980; địa chỉ: K11 H14/04 T, tổ 33, phường Hòa P, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Công V, sinh năm 1985; địa chỉ: Số K11/10 T, phường Hòa P, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn N, xã Bình L, huyện Thăng B, tỉnh Quảng N; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Cao Thị Thu T, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố 10, thị trấn L, huyện Tuy P, tỉnh Bình T; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Thu T xác định, bà với ông Huỳnh Kim V kết hôn với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình L, huyện Thăng B, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ 33, phường Hòa P, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Quá trình chung sống đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2024 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông Huỳnh Kim V thường xuyên chửi mắng, xúc phạm bà T, đánh đập bà T và các con; nhiều lần lấy tiền buôn bán của vợ chồng để đánh lô đề, không lo làm ăn phụ giúp vợ, con và chăm lo cho gia đình. Chính quyền địa phương và gia đình hai bên đều biết, vào can thiệp, hòa giải nhưng ông V vẫn không thay đổi. Hiện hai người đã tự sống ly thân hơn 6 tháng. Nay bà T xác định không còn tình cảm, thương yêu ông Huỳnh Kim V nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Kim V.

Về con chung: Bà Hồ Thị Thu T xác định, bà với ông V có 02 người con chung là cháu: Huỳnh Hồ Duy N, sinh ngày 29/10/2008 và Huỳnh Hồ Duy H, sinh ngày 16/10/2017. Ly hôn, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi lần lượt từng con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi 01 con là Huỳnh Hồ Duy H, sinh ngày 16/10/2017 mỗi tháng 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm ngàn đồng) đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con Huỳnh Hồ Duy N, sinh ngày 29/10/2008.

Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Thu T xác định, bà với ông V có tài sản chung là 51,6m^2 đất, nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 218, tờ bản đồ số 32, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 92596, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/12/2021; tọa lạc tại địa chỉ tổ 33, phường Hòa P, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Huỳnh Kim V và bà Hồ Thị Thu T. Ly hôn, bà T yêu cầu chia đôi tài sản theo tỷ lệ 50/50. Tại phiên tòa, bà T xin nhận nhà, đất và tài sản gắn liền với đất (cách gọi khác: xin nhận hiện vật) và đồng ý thối lại cho ông V 50% tổng giá trị tài sản.

Theo kết quả thẩm định giá tài sản tại chứng thứ số 434/2025/16 ngày 06/3/2025 của Công ty TNHH thẩm định giá Đà Nẵng xác định, tổng giá trị nhà, đất và tài sản gắn liền với đất là 962.946.000đ (chín trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm bốn sáu ngàn đồng); trong đó: Giá trị 51,6m^2 đất là: 822.555.600 đồng, Giá trị tài sản gắn liền với đất là: 140.390.000 đồng (trong đó: Nhà 01 tầng, tường xây, mái lợp tôn, nên gạch men là 129.000.000 đồng; hàng rào cổng sắt là 7.389.000 đồng; mái hiên khung sắt lợp tôn là 4.001.000 đồng), bà T đồng ý với kết quả thẩm định giá và không có ý kiến gì thêm. Tại phiên tòa bà T tha thiết xin được nhận hiện vật là nhà, đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên và thối trả lại tiền 50% giá trị tài sản cho ông V.

Về nợ chung: Bà Hồ Thị Thu T xác định, bà với ông V có nợ số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), cụ thể: Nợ bà Huỳnh Thị V 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nợ ông Huỳnh Công V 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và nợ bà Cao Thị Thu T 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Ly hôn, bà T

yêu cầu mỗi người có nghĩa vụ cùng trả chung cho từng người 1/2 số nợ, tương ứng mỗi người trả số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho những người trên.

Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, bà T hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến gì thêm.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Kim V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông V thống nhất với phần trình bày của bà T về thời gian, địa điểm kết hôn và điều kiện kết hôn như trên là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống tại tổ 33, phường Hòa P, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân: Do cãi vã, ông V xác định ông có đánh bà T và con, có lấy tiền đánh lô đề nhưng với số tiền ít nên bà T đã thuê nhà ở riêng, hai người đã sống ly thân hơn 06 tháng nay. Ông V xác định ông không còn tình cảm với bà T nhưng vì con cái nên mong bà T suy nghỉ lại, do đó bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông, trước đây ông đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa ông V xin được đoàn tụ để vợ chồng có điều kiện và thời gian nuôi dạy con cái.

Về quan hệ con chung: Ông Huỳnh Kim V xác định, giữa ông và bà T có 02 người con chung tên Huỳnh Hồ Duy N, sinh ngày 29/10/2008 và Huỳnh Hồ Duy H, sinh ngày 16/10/2017. Trong trường hợp phải ly hôn, ông V xin được nuôi một con và giao một con cho bà T nuôi dưỡng. Trong hai đứa con, đứa nào muốn ở với ông là tùy thuộc vào ý kiến của con, ông V không xác định cụ thể nuôi đứa nào. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Ông V xác định, ông và bà T có tài sản chung là 51,6m^2 đất, nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 218, tờ bản đồ số 32, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 92596, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/12/2021; tọa lạc tại địa chỉ tổ 33, phường Hòa P, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Huỳnh Kim V và bà Hồ Thị Thu T. Trong lần hòa giải trước đây, ông V xác định ly hôn ông đề nghị Tòa án chia nhà, đất và tài sản gắn liền với đất làm 04 phần bằng nhau, cụ thể: Ông 01 phần, bà T 01 phần, hai con mỗi cháu 01 phần. Ông V xin nhận hiện vật và thối trả tiền theo phần cho bà T và hai con. Tại phiên tòa, ông V cho rằng nếu ly hôn rồi chia nhà đất thì ông không có chỗ ở, với số tiền ông được nhận không đủ để mua lại đất nhà để ở nên ông xin thời gian để vợ chồng thương lượng lại.

Theo kết quả thẩm định giá tài sản tại chứng thứ số 434/2025/16 ngày 06/3/2025 của Công ty TNHH thẩm định giá Đà Nẵng xác định, tổng giá trị nhà, đất và tài sản gắn liền với đất là 962.946.000đ (chín trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm bốn sáu ngàn đồng); trong đó: Giá trị 51,6m^2 đất là: 822.555.600 đồng, Giá trị tài sản gắn liền với đất là: 140.390.000 đồng (trong đó: Nhà 1 tầng, tường xây, mái lợp tôn, nên gạch men là 129.000.000 đồng; hàng rào cổng sắt là 7.389.000 đồng; mái hiên khung sắt lợp tôn là 4.001.000 đồng), ông V đồng ý và không có ý kiến gì thêm.

Về nợ chung: Ông V xác định, ông với bà T có nợ chung số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), cụ thể: Nợ bà Huỳnh Thị V số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nợ ông Huỳnh Công V số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và bà Cao Thị Thu T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Ly hôn, mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ cho nhưng người nêu trên. Ông V đề nghị trả tiền lãi cho bà V, ông V.

Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, ông V thống nhất và không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm các ông (bà): Huỳnh Công V, Huỳnh Thị V và Cao Thị Thu T; đồng thời là người có yêu cầu độc lập có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án đã có bản tự khai, cụ thể:

Bà V xác định, bà T và ông V có mượn số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của bà, nay bà T và ông V ly hôn thì đề nghị trả lại cho bà số tiền trên, bà không yêu cầu ông V và bà T trả tiền lãi.

Ông V xác định, bà T và ông V có mượn số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) của ông, nay bà T và ông V ly hôn thì đề nghị trả lại cho ông số tiền trên, ông không yêu cầu ông V và bà T trả tiền lãi.

Bà T xác định, bà T và ông V có mượn số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) của bà, nay bà T và ông V ly hôn thì đề nghị trả lại cho bà số tiền trên, bà không yêu cầu ông V và bà T trả tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 27, 37, 38, 56, 58, 59, 62, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 280, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thu T đối với ông Huỳnh Kim V với các nội dung cụ thể sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hồ Thị Thu T được ly hôn với với ông Huỳnh Kim V.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là cháu Huỳnh Hồ Duy N, sinh ngày 29/10/2008 và Huỳnh Hồ Duy H, sinh ngày 16/10/2017 cho bà Hồ Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi lần lượt từng con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Huỳnh Hồ Duy H, sinh ngày 16/10/2017 mỗi tháng 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm ngàn đồng) cho đến khi đủ 18 tuổi. Đối với cháu Huỳnh Hồ Duy N, sinh ngày 29/10/2008 bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nên không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông V đều xác định, ông bà có tài sản chung là 51,6m^2 đất, nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 218, tờ bản đồ số 32, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 92596, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/12/2021; tọa lạc tại địa chỉ tổ 33, phường Hòa P, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Huỳnh Kim V và bà Hồ Thị Thu T, tổng giá trị nhà, đất và tài sản gắn liền với đất là 962.946.000đ (chín trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm bốn sáu ngàn đồng), trong đó: Giá trị 51,6m^2 đất là: 822.555.600 đồng, Giá trị tài sản gắn liền với đất là: 140.390.000 đồng (trong đó, nhà 1 tầng, tường xây, mái lợp tôn, nên gạch men là 129.000.000 đồng; hàng rào cổng sắt là 7.389.000 đồng; mái hiên khung sắt lợp tôn là 4.001.000 đồng).

Xét về nguồn gốc nhà, đất và tài sản gắn liền với đất thì thấy: Cả ông V và bà T đều xác định, nhà, đất và tài sản gắn liền với đất là do ông Huỳnh Kim V và bà Hồ Thị Thu T tạo lập được. Do đó, đấy là tài sản chung của ông V và bà T nên bà T yêu cầu chia nhà, đất và tài sản gắn liền với đất mỗi người ½ giá trị là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T và ông V đều có mong muốn nhận nhà, đất và tài sản gắn liền với đất. Tuy nhiên, do diện tích nhà, đất và tài sản gắn liền với đất không đủ để chia bằng hiện vật cho hai người nên cần xem xét điều kiện của mỗi bên để giao cho một bên bằng hiện vật và bên nhận hiện vật có nghĩa vụ thối trả giá trị bằng tiền cho bên còn lại.

Xét về điều kiện hiện nay của bà T và ông V thì thấy: Bà T xác định bà có công việc và thu nhập ổn định từ việc buôn bán bánh tráng (mỗi tháng thu nhập trên 10.000.000 đồng); ông V cho rằng bản thân ông không có công việc và không có thu nhập ổn định (mỗi tháng thu nhập được khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng). Hiện nay bà T đang thuê nhà ở và buôn bán, ông V có hành vi bạo lực đánh đập vợ con, hai con đang trực tiếp ở với bà T, bà T muốn nhận hiện vật và cho rằng bản thân đủ khả năng để thối trả lại tiền cho ông V ngay sau khi ly hôn. Ông V cho rằng mình không đủ khả năng tài chính để thối trả tiền. Do đó, để tạo điều kiện nuôi con, đồng thời ưu tiên phụ nữ và trẻ em sau khi ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xét giao nhà, đất và tài sản gắn liền với đất cho bà T quản lý, sở hữu và sử dụng là phù hợp hơn. Bà T đồng ý thối trả ½ giá trị nhà, đất và tài sản gắn liền với đất cho ông V nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T thối trả ½ giá trị chênh lệch cho ông V với số tiền là (962.946.000đ : 2 = 481.473.000 đồng).

4. Về nợ chung: Bà T và ông V xác định, ông bà có nợ 100.000.000 đồng; trong đó: Nợ bà Huỳnh Thị V 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nợ ông Huỳnh Công V 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và nợ bà Cao Thị Thu T 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Bà V, ông V và bà T đồng thời có yêu cầu độc lập cũng thừa nhận bà T và ông V nợ số tiền như ông V, bà T trình bày, do đó buộc ông V và bà T mỗi người phải có nghĩa vụ cùng trả nợ chung ½ số tiền nợ cho những người trên nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của bà V, ông V và bà T.

5. Án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Hồ Thị Thu T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí chia tài sản chung, nợ chung (có yêu cầu độc lập) ông Huỳnh Kim V và bà Hồ Thị Thu T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con, ông V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Huỳnh Công V và bà Cao Thị Thu T. Bà Huỳnh Thị V được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xét.

6. Về chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Bà Hồ Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và giải quyết nợ chung đối với bị đơn ông Huỳnh Kim V; trú tại: địa chỉ: K11/H14/04 T, tổ 33, phường Hòa P, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của bà T là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đồng thời cũng là người có yêu cầu độc lập gồm các ông (bà): Huỳnh Công V, Huỳnh Thị V và Cao Thị Thu T, tuy nhiên những người vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hồ sơ đã có lời khai, Tòa án đã hoãn phiên tòa lần một nên việc vắng mặt của ngững người trên đã được đảm bảo. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt những người trên.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Thu T và ông Huỳnh Kim V đều xác định, ông bà xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình L, huyện Thăng B, tỉnh Quảng Nam năm 2008 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn thì thấy:

[1.1] Bà T cho rằng, quá trình chung sống thì vợ chồng bà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Huỳnh Kim V thường xuyên chửi mắng, xúc phạm bà, đánh đập bà và các con; nhiều lần lấy tiền buôn bán của gia đình để đánh lô đề làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, không lo làm ăn, chăm lo, phụ giúp gia đình, mặc dù được chính quyền địa phương, gia đình hai bên vào can thiệp, hòa giải nhưng ông V vẫn không thay đổi, hiện hai người đã sống ly thân hơn 06 tháng, bà T ra thuê nhà ở riêng. Nay bà Hồ Thị Thu T xác định không còn tình cảm, thương yêu ông V nên đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Kim V.

[1.2] Ông V cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng cãi vã, không thống nhất trong việc nuôi dạy con, ông có đánh bà T và các con, có dùng tiền đánh lô đề. Hiện nay, hai người đã sống ly thân hơn 06 tháng và bà T đã thuê nhà ở riêng, ông V xác định không còn tình cảm với bà T nhưng vì con nên bà T xin ly hôn, ông V không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, sau kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông V lúc đầu hạnh phúc, thể hiện vợ chồng đã sinh được hai người con chung, cùng tạo lập được nhà đất. Nhưng cuộc sống vợ chồng bà T và ông V sau đó đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông V đánh đập bà T và các con, ông V sống không có trách nhiệm với vợ con, lấy tiền buôn bán của gia đình đánh lô đề làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Cả ông V và bà T đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là do ông V, hiện hai người không còn sống chung với nhau và đã sống ly thân hơn 06 tháng. Nay bà T và ông V xác định không còn tình cảm thương yêu nhau, bà T xin ly hôn với ông V, ông V xin đoàn tụ để nuôi dạy con, nhưng ông V không đưa ra được phương án hàn gắn tình cảm, Tòa án cũng đã tạo điều kiện hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà T vẫn cương quyết xin ly hôn; trong quá trình hòa giải ông V cho rằng bà T cương quyết ly hôn thì ông đồng ý. Qua tìm hiểu tại địa phương cho thấy, giữa ông V và bà T thực sự đã có mâu thuẫn, địa phương biết việc mâu thuẫn của vợ chồng ông V, bà T và đã vào can thiệp hòa giải, nhưng vẫn không có kết quả.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông V đến nay không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thấy việc xin ly hôn của bà T là có căn cứ nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà T và ông V đều xác nhận, vợ chồng có 02 con chung là cháu Huỳnh Hồ Duy N, sinh ngày 29/10/2008 và Huỳnh Hồ Duy H, sinh ngày 16/10/2017. Ly hôn, bà T xin được nuôi hai con, ông V xin được nuôi 01 con, việc đứa con nào ở với ông là do con tự quyết định, ông V không lựa chọn đứa nào.

Xét nguyện vọng nuôi con của bà T và ông V thì thấy: Cả bà T và ông V đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, cũng như có quyền nuôi con. Tuy nhiên, xét về điều kiện nuôi con thì thấy, bà T có thu nhập ổn định hơn, bà T xin nuôi hai con nhưng trong đó có cháu Huỳnh Hồ Duy N, sinh ngày 29/10/2008 sắp đủ tuổi trưởng thành; hai con trên 7 tuổi đều có có nguyện vọng được ở với bà T, ông V có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập các con. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao hai con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp hơn, nên ý kiến của ông V xin được trực tiếp nuôi một con không được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà T yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con Huỳnh Hồ Duy H, sinh ngày 16/10/2017 mỗi tháng 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm ngàn đồng) đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, bà T nuôi hai con, vì sự phát triển về mọi mặt của con khi ba mẹ ly hôn nên ông V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà T yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con Huỳnh Hồ Duy H, sinh ngày 16/10/2017 mỗi tháng 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm ngàn đồng) đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với thu nhập của ông V và quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Bà T và ông V đều xác định, ông bà có tài sản chung là nhà, đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 218, tờ bản đồ số 32, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 92596, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/12/2021; tọa lạc tại địa chỉ tổ 33, phường Hòa P, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Huỳnh Kim V và bà Hồ Thị Thu T. Ly hôn, bà T yêu cầu chia đôi tài sản theo tỷ lệ 50/50, bà T xin nhận nhà, đất và tài sản gắn liền với đất (cách gọi khác: Nhận hiện vật) và đồng ý thối lại cho ông V 50% tổng giá trị tài sản. Theo kết quả thẩm định giá tài sản tại chứng thứ số 434/2025/16 ngày 06/3/2025 của Công ty TNHH thẩm định giá Đà Nẵng xác định nhà, đất và tài sản gắn liền với đất có tổng giá trị là 962.946.000đ (chín trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm bốn sáu ngàn đồng); trong đó: Giá trị 51,6m^2 đất là: 822.555.600 đồng, Giá trị tài sản gắn liền với đất là: 140.390.000 đồng (trong đó: Nhà 1 tầng, tường xây, mái lợp tôn, nên gạch men là 129.000.000 đồng; hàng rào cổng sắt là 7.389.000 đồng, mái hiên khung sắt lợp tôn là 4.001.000 đồng).

Xét về nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất thì thấy: Cả ông V và bà T đều xác định, nhà, đất và tài sản gắn liền với đất là do ông Huỳnh Kim V và bà Hồ Thị Thu T tạo lập được. Do đó, đấy là tài sản chung của ông V và bà T nên bà T yêu cầu chia nhà, đất và tài sản gắn liền với đất mỗi người ½ giá trị là phù hợp nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận. Bà T và ông V đều có nguyện vọng nhận nhà, đất và tài sản gắn liền với đất; tuy nhiên, do diện tích nhà, đất và tài sản gắn liền với đất không đủ để chia bằng hiện vật cho hai người nên cần xem xét điều kiện của mỗi bên để giao cho một bên nhận bằng hiện vật và bên nhận hiện vật có nghĩa vụ thối trả giá trị bằng tiền cho bên còn lại.

Xét về điều kiện hiện nay của bà T và ông V thì thấy, bà T xác định bà có công việc và thu nhập ổn định từ việc buôn bán bánh tráng (mỗi tháng thu nhập trên 10.000.000 đồng); ông V cho rằng bản thân ông không có công việc và không có thu nhập ổn định (mỗi tháng thu nhập được khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng). Hiện nay bà T đang thuê nhà ở và buôn bán, ông V có hành vi bạo lực gia đình đánh đập vợ con, hai con đang trực tiếp ở với bà T, bà T muốn nhận hiện vật và cho rằng bản thân đủ khả năng để thối trả lại tiền cho ông V ngay sau khi ly hôn. Ông V cho rằng mình không đủ khả năng tài chính để thối trả tiền. Để tạo điều kiện nuôi con, đồng thời ưu tiên phụ nữ và trẻ em sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao nhà, đất và tài sản gắn liền với đất cho bà T quản lý, sở hữu và sử dụng là phù hợp hơn. Bà T đồng ý thối trả ½ giá trị nhà, đất và tài sản gắn liền với đất cho ông V nên Hội đồng xét xử

buộc bà T thối trả ½ giá trị chênh lệch cho ông V với số tiền là (962.946.000đ : 2 = 481.473.000 đồng).

Bà Hồ Thị Thu T được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh sang tên, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

[4] Về nợ chung: Bà T và ông V xác định, ông bà có nợ số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) của các ông (bà): Huỳnh Thị V 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), Huỳnh Công V 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và Cao Thị Thu T 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Bà V, ông V và bà T cũng có yêu cầu độc lập xác định, ông V và bà T có nợ các ông bà số tiền như bà T và ông V trình bày ở trên. Do đó, khi ly hôn buộc ông V và bà T mỗi người phải có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ cho bà V, ông V và bà T [tương ứng số tiền ông V và bà T trả cho mỗi người là: Trả cho bà Huỳnh Thị V số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), trả cho ông Huỳnh Công V số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), trả cho bà Cao Thị Thu T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng)] là có căn cứ nên yêu cầu độc lập của bà V, ông V và bà T được chấp nhận.

Về ý kiến của ông V đề nghị trả tiền lãi cho bà V và ông V. Xét thấy, cả bà V và ông V đều có yêu cầu độc lập, chỉ yêu cầu ông V và bà T trả lại tiên gốc không yêu cầu tính lãi nên ý kiến của ông V là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), bà Hồ Thị Thu T phải chịu.

Án phí chia tài sản chung: Ông Huỳnh Kim V và bà Hồ Thị Thu T, mỗi người phải chịu 21.258.920đ (hai mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi tám ngàn, chín trăm hai mươi đồng), đã khấu trừ số tiền nợ mỗi người phải trả 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), ông Huỳnh Kim V phải chịu.

Án phí dân sự trả nợ chung: Ông Huỳnh Kim V và bà Hồ Thị Thu T, mỗi người phải chịu 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Huỳnh Công V và bà Cao Thị Thu T. Bà Huỳnh Thị V được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Vê chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng và chi phí thẩm định giá tài sản 17.000.000 đồng. Tổng số tiền chi phí tố tụng là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), ông V và bà T phải có nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng bằng nhau là 10.000.000 đồng. Do bà T đã nộp và chi xong nên Hội đồng xét xử buộc ông V phải có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 27, 37, 38, 56, 58, 59, 62, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 280, 466 , 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 157, 165, 227, 266 và Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thu T đối với ông Huỳnh Kim V về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, giải quyết nợ chung".

Chấp nhận yêu cầu độc lập của các ông (bà) Huỳnh Thị V, Huỳnh Công V, Cao Thị Thu T đối với bà Hồ Thị Thu T và ông Huỳnh Kim V.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hồ Thị Thu T được ly hôn đối với ông Huỳnh Kim V.

[2] Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là cháu Huỳnh Hồ Duy N, sinh ngày 29/10/2008 và cháu Huỳnh Hồ Duy H, sinh ngày 16/10/2017 cho bà Hồ Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi lần lượt từng con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Huỳnh Kim V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Huỳnh Hồ Duy H, sinh ngày 16/10/2017, mỗi tháng 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung:

- Giao cho bà Hồ Thị Thu T được quyền quản lý, sở hữu và sử dụng nhà, đất và tài sản gắn liền với đất (đất 51,6m^2, nhà 1 tầng, tường xây, mái lợp tôn, nên gạch men, hàng rào cổng sắt, mái hiên khung sắt lợp tôn) tại thửa số 218, tờ bản đồ số 32, diện tích đất 51,6m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 92596, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/12/2021; tọa lạc tại địa chỉ tổ 33, phường Hòa P, quận Cẩm Lệ đứng tên ông Huỳnh Kim V và bà Hồ Thị Thu T.

- Buộc bà Hồ Thị Thu T có nghĩa vụ thối trả số tiền là 481.473.000đ (bốn trăm tám mươi mốt triệu, bốn trăm bảy mươi ba ngàn đồng) cho ông Huỳnh Kim V.

Bà Hồ Thị Thu T có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh sang tên, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 218, tờ bản đồ số 32, diện tích đất 51,6m^2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 92596 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/12/2021; tọa lạc tại địa chỉ tổ 33, phường Hòa P, quận Cẩm Lệ đứng tên ông Huỳnh Kim V và bà Hồ Thị Thu T theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Huỳnh Kim V không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 92596 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/12/2021 để bà T làm thủ tục điều chỉnh sang

tên, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thì bà T được quyền tự liên hệ với cơ quan nhà nước để điều chỉnh, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

[4] Về nợ chung:

Buộc bà Hồ Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị V số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), trả cho ông Huỳnh Công V số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), trả cho bà Cao Thị Thu T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Buộc ông Huỳnh Kim V có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị V số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), trả cho ông Huỳnh Công V số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), trả cho bà Cao Thị Thu T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

[5] Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

[6] Về án phí:

[6.1] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc bà Hồ Thị Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp tại biên lai thu số 0001967 ngày 16/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình.

[6.2] Án phí chia tài sản chung:

- Buộc bà Hồ Thị Thu T phải chịu 21.258.920đ (hai mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi tám ngàn, chín trăm hai mươi đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) bà T đã nộp tại biên lai thu số 0001963 ngày 15/10/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Bà T còn phải nộp thêm số tiền 3.258.920đ (ba triệu, hai trăm năm mươi tám ngàn, chín trăm hai mươi đồng).

- Buộc ông Huỳnh Kim V phải chịu 21.258.920đ (hai mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi tám ngàn, chín trăm hai mươi đồng).

[6.3] Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Huỳnh Kim V phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

[6.4] Án phí dân sự trả nợ chung: Buộc ông Huỳnh Kim V và bà Hồ Thị Thu T, mỗi người phải chịu 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

[6.5] Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Công V số tiền tạm ứng án phí 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009361 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.

[6.6] Hoàn trả lại cho bà Cao Thị Thu T số tiền tạm ứng án phí 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009360 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.

[7] Chi phí tố tụng: Buộc ông V phải có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

[8] Về kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 08/4/2025.

Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Bình L, huyện Thăng B, tỉnh Quảng Nam năm 2008;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh